**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 11**

**HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023-2024**

**I. TRẮC NGHIỆM : 40%**

**KHU VỰC MỸ LATINH**

**1. Nhận biết**

**Câu 1:** Khu vực Mỹ Latinh gồm

**A.** Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê.

**B.** Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê.

**C.** Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.

**D.** Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.

**Câu 2:** Phía bắc khu vực Mỹ Latinh tiếp giáp với

**A.** Hoa Kỳ. **B.** Ca-na-đa.

**C.** quần đảo Ăng-ti lớn. **D.** quần đảo Ăng-ti nhỏ.

**Câu 3:** Phía đông khu vực Mỹ Latinh giáp với

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương. **C.** Đại Tây Dương. **D.** Nam Đại Dương.

**Câu 4:** Phía tây khu vực Mỹ Latinh giáp với

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương. **C.** Đại Tây Dương. **D.** Nam Đại Dương.

**Câu 5:** Quần đảo Ăng-ti nằm ở

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Đại Tây Dương.

**C.** biển Ca-ri-bê. **D.** vịnh Ca-li-phooc-ni-a.

**Câu 6:** Dầu mỏ tập trung chủ yếu ở nơi nào sau đây của khu vực Mỹ Latinh?

**A.** Vê-nê-du-ê-la và vùng biển Ca-ri-bê. **B.** Các đảo trên quần đảo Ảng-ti Lớn.

**C.** Các đảo trên quần đảo Ăng-ti Nhỏ. **D.** Khu vực ở phía tây dãy núi An-đét.

**Câu 7:** Loại khoáng sản có nhiều ở dãy An-đét là

**A.** chì kẽm, đồng. **B.** vàng, khí đốt. **C.** than, bô-xít. **D.** khí đốt, sắt.

**Câu 8:** Đồng bằng nào sau đây ở Mỹ Latinh có giá trị cao nhất về đa dạng sinh học?

**A.** Pam-pa. **B.** La Pla-ta. **C.** A-ma-dôn. **D.** Ô-ri-nô-cô.

**Câu 9:** Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn ở khu vực Mỹ Latinh là

**A.** bạc, đồng, ni-ken, bô-xít, mangan, dầu mỏ. **B.** sắt, đồng, dầu mỏ, khí tự nhiên, vàng, than.

**C.** chì, kẽm, ni-ken, bô-xít, mangan, dầu mỏ. **D.** chì, kẽm, đồng, bô-xít, than đá, u-ra-ni-um.

**Câu 10:** Hồ Ti-ti-ca-ca nằm ở khu vực nào sau đây của Mỹ Latinh?

**A.** Dãy An-đét. **B.** Sơn nguyên Bra-xin.

**C.** Đồng bằng A-ma-dôn. **D.** Sơn nguyên Guy-an.

**Câu 11:** Mỹ Latinh là khu vực có tỉ lệ dân thành thị

**A.** cao và tăng nhanh. **B.** rất cao và tăng chậm.

**C.** cao và tăng chậm. **D.** thấp nhưng tăng nhanh.

**Câu 12:** Tỉ lệ dân thành thị của khu vực Mỹ Latinh năm 2020 là khoảng (%)

**A.** 61. **B.** 71. **C.** 81. **D.** 91.

**Câu 13:** Những siêu đô thị nào sau đây nằm ở khu vực Mỹ Latinh?

**A.** Bu-ê-nôt Ai-ret, Mê-hi-cô, Tô-ky-ô. **B.** Bu-ê-nôt Ai-ret, Đê-li, Thượng Hải.

**C.** Bu-ê-nôt Ai-ret, Mê-hi-cô, Xao Pao-lô. **D.** Bu-ê-nôt Ai-ret, Bắc Kinh, xao Pao-lô.

**Câu 14:** Đô thị nào có số dân lớn nhất trong các đô thị sau đây?

**A.** La-ha-ba-na. **B.** Xan-hô-xê. **C.** Xao Pao-lô. **D.** Ca-ra-cát.

**Câu 15:** Khu vực Mỹ Latinh có

**A.** dân số ít, cơ cấu dân số rất già. **B.** gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.

**C.** dân số đông và cơ cấu già hóa. **D.** gia tăng dân số rất nhỏ, dân già.

**Câu 16:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ Latinh?

**A.** Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp. **B.** Chênh lệch lớn về GDP giữa các nước.

**C.** Có nhiều quốc gia nợ nước ngoài rất lớn. **D.** Tốc độ tăng trưởng GDP luôn rất nhanh.

**Câu 17:** Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ Latinh là

**A.** nông nghiệp. **B.** công nghiệp. **C.** dịch vụ. **D.** xây dựng.

**Câu 18:** Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ Latinh là

**A.** khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. **B.** trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.

**C.** đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. **D.** khai khoáng, nông nghiệp và du lịch.

**Câu 19:** Mĩ Latinh **không** có kiểu khí hậu nào sau đây?

**A.** Xích đạo. **B.** Nhiệt đới. **C.** Ôn đới. **D.** Hàn đới.

**Câu 20:** Rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây của Mỹ Latinh?

**A.** Đồng bằng A-ma-zôn. **B.** Đồng bằng Pam-pa.

**C.** Vùng núi An-đét. **D.** Đồng bằng La Pla-ta.

**Câu 21:** Phát biểu nào đúng về vị trí địa lí của Mỹ Latinh?

**A.** Phía Tây tiếp giáp Đại Tây Dương.

**B.** Phía Đông giáp Thái Bình Dương.

**C.** Nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

**D.** Tiếp giáp Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 22:** Dân cư Mỹ Latinh có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Gia tăng dân số thấp. **B.** Tỉ suất nhập cư lớn

**C.** Tỉ lệ dân thành thị cao. **D.** Dân số đang trẻ hóa.

**1. Nhận biết**

**Câu 1:** Tên gọi Liên minh châu Âu (EU)có từ năm nào sau đây?

**A.** 1963. **B.** 1973. **C.** 1983. **D.** 1993.

**Câu 2:** Tổng số các nước thành viên của Liên minh châu Âu (EU) hiện nay (2020)là

**A.** 25. **B.** 26. **C.** 27. **D.** 28.

**Câu 3:** Các nước nào sau đây tham gia thành lập Cộng đồng Kinh tế châu Âu (năm 1957)?

**A.** Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Áo, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

**B.** Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

**C.** Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Ba Lan, Lúc-xăm-bua.

**D.** Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Na Uy, Lúc-xăm-bua.

**Câu 4:** Cộng đồng châu Âu được thành lập năm nào sau đây?

**A.** 1957. **B.** 1967. **C.** 1981. **D.** 1993.

**Câu 5:** Các nước nào sau đây là thành viên của Liên minh châu Âu (EU) kể từ năm 1995?

**A.** Thụy Điển, Phần Lan, Áo. **B.** Phần Lan, Áo, Lát-vi-na.

**C.** Áo, Lát-vi-na, E-xtô-ni-a. **D.** E-xtô-ni-a, Áo, Lát-vi-a.

**Câu 6:** Nước nào sau đây gia nhập Liên minh châu Âu (EU) năm 2013?

**A.** Hung-ga-ri. **B.** Croát-ti-a. **C.** Ru-ma-ni. **D.** Bun-ga-ri.

**Câu 7:** Các nước gia nhập Liên minh châu Âu (EU) năm 2007 là

**A.** Ru-ma-ni, An-ba-ni. **B.** An-ba-ni, Bun-ga-ri.

**C.** Bun-ga-ri, Ru-ma-ni. **D.** Ru-ma-ni, I-ta-li-a.

**Câu 8:** Những quốc gia có vai trò sáng lập Liên minh châu Âu (EU) là

**A.** Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển. **B.** Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

**C.** Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. **D.** Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

**Câu 9:** Các nước nào sau đây ở châu Âu hiện nay (2020)vẫn chưa gia nhập Liên minh châu Âu (EU)?

**A.** Áo, Pháp. **B.** Pháp, Đức. **C.** Đức, Bỉ. **D.** Na Uy, Thụy Sĩ.

**Câu 10:** Vương quốc Anh chính thức rời Liên minh châu Âu (EU)vào năm nào sau đây?

**A.** 2005. **B.** 2010. **C.** 2015. **D.** 2020.

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đồng tiền chung châu Âu (đồng ơ-rô)?

**A.** Có vị trí cao trong giao dịch quốc tế. **B.** Đồng tiền dự trữ chính thức quốc tế.

**C.** Tác động đến tiền tệ các nước khác. **D.** Tất cả thành viên EU đã dùng chung.

**Câu 12:** Đồng tiền chung của châu Âu (đồng ơ-rô)được chính thức đưa vào giao dịch thanh toán từ năm nào sau đây?

**A.** 1997. **B.** 1998. **C.** 1999. **D.** 2000.

**Câu 13:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về tác dụng của việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu đối với EU?

1)Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

2)Xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ giữa các nước.

3)Tạo thuận lợi cho việc chuyển giao nguồn vốn trong EU.

4)Đơn giản công tác kế toán các doanh nghiệp đa quốc gia.

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 14:** Liên minh châu Âu (EU) đứng đầu thế giới về tỉ trọng

**A.** viện trợ phát triển thế giới. **B.** sản xuât ô tô trên thế giới.

**C.** xuất khẩu của thế giới. **D.** tiêu thụ năng lượng thế giới.

**Câu 15:** Đối với thị trường nội địa, các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) đã

**A.** kí kết các hiệp định thương mại tự do. **B.** tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.

**C.** áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa. **D.** dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.

**Câu 16:** Hoạt động nào sau đây **không** thể hiện sự hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

**A.** Cùng hợp tác sản xuất máy bay E-bớt. **B.** Đường hầm giao thông dưới biển Măng-sơ.

**C.** Sử dụng đồng tiền chung của EU. **D.** Tự do đi lại, cư trú, lựa chọn nơi làm việc.

**Câu 17:** Phát biểu nào sau đây **không** phải thể hiện hợp tác trong sản xuất và dịch vụ của Liên minh châu Âu (EU)?

**A.** Mạng lưới đường bộ, sắt, cảng biển và cảng sông nối liền các nước.

**B.** Vận tải đường sắt ở châu Âu đang được đồng bộ hóa giữa các nước.

**C.** Các nước ở EU hợp tác trong việc chế tạo được loại máy bay E-bớt.

**D.** EU có một mạng lưới pháp luật về các lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**Câu 18:** Phát triển liên kết vùng ở châu Âu **không** thực hiện các hoạt động về

**A.** kinh tế. **B.** chính trị. **C.** xã hội. **D.** văn hóa.

**Câu 19:** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về Liên minh châu Âu (EU)?

1)Tạo ra thị trường chung lưu thông nhiều mặt.

2)Sử dụng cùng một đồng tiền chung (ơ-rô).

3)Là một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

4)Trình độ phát triển giữa các nước chênh lệch.

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 20:** Trong thị trường chung châu Âu được tự do lưu thông về

**A.** con người, hàng hóa, cư trú, dịch vụ. **B.** dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn, con người.

**C.** dịch vụ, tiền vốn, chọn nơi làm việc. **D.** tiền vốn, con người, dịch vụ, cư trú.

**Câu 21:** Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của các nước

**A.** Hà Lan, Bỉ, Đức. **B.** Hà Lan, Pháp, Áo.

**C.** Bỉ, Pháp, Đan Mạch. **D.** Đức, Hà Lan, Pháp.

**Câu 22:** Trụ sở hiện nay của Liên minh châu Âu (EU) được đặt ở thành phố nào sau đây?

**A.** Brúc-xen (Bỉ). **B.** Béc- lin (Đức). **C.** Pa-ri (Pháp). **D.** Mat-xcơ-va (Nga).

**Câu 23:** Quá trình mở rộng các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) chủ yếu hướng về phía

**A.** Tây. **B.** Đông. **C.** Bắc. **D.** Nam.

**1. Nhận biết**

**Câu 1:** Khu vực Đông Nam Á nằm ở

**A.** phía đông nam châu Á. **B.** giáp với Đại Tây Dương.

**C.** giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. **D.** phía bắc nước Nhật Bản.

**Câu 2:** Hầu hết lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á nằm trong vùng

**A.** khu vực xích đạo. **B.** nội chí tuyến. **C.** ngoại chí tuyến. **D.** bán cầu Bắc.

**Câu 3:** Về tự nhiên, Đông Nam Á gồm hai bộ phận là

**A.** lục địa và hải đảo. **B.** đảo và quần đảo. **C.** lục địa và biển. **D.** biển và các đảo.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Đông Nam Á?

**A.** Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn.

**B.** Là nơi các cường quốc muốn gây ảnh hưởng.

**C.** Vị trí cầu nối lục địa Á - Âu và Ô-xtrây-li-a.

**D.** Nằm ở sâu trong lục địa châu Á rộng lớn.

**Câu 5:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa là có

**A.** nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên Đông Nam Á hải đảo?

**A.** Nhiều dãy núi hướng tây bắc - đông nam. **B.** Nhiều đồi, núi và núi lửa; ít đồng bằng.

**C.** Đồng bằng với đất từ dung nham núi lửa. **D.** Có khí hậu cận xích đạo và xích đạo.

**Câu 7:** Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á hải đảo là có

**A.** địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi lớn.

**B.** nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, đảo nhỏ.

**C.** hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.

**D.** các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng với tự nhiên Đông Nam Á hải đảo?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi. **B.** Có nhiều địa điểm núi ăn lan ra sát biển.

**C.** Có các đồng bằng do sông lớn bồi đắp. **D.** Có đảo và quần đảo nhiều nhất thế giới.

**Câu 9:** Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu

**A.** nhiệt đới gió mùa. **B.** cận xích đạo. **C.** xích đạo. **D.** ôn đới.

**Câu 10:** Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

**A.** các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa. **B.** trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.

**C.** dung nham núi lửa từ nơi cao xuống. **D.** xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

**Câu 11:** Do vị trí kề sát vành đai lửa Thái Bình Duơng, nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

**A.** bão. **B.** lũ lụt. **C.** hạn hán. **D.** động đất.

**Câu 12:** Do nằm trong khu vực hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới nên ở Đông Nam Á thường xảy ra

**A.** bão. **B.** động đất. **C.** núi lửa. **D.** sóng thần.

**Câu 13:** Nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng ở vùng thềm lục địa nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** dầu khí. **B.** bôxit. **C.** than đá. **D.** quặng sắt.

**Câu 14:** Đông Nam Á có

**A.** số dân đông, mật độ dân số cao. **B.** mật độ dân số cao, nhập cư đông.

**C.** nhập cư ít, cơ cấu dân số già. **D.** xuất cư nhiều, tuổi thọ rất thấp.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

**A.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm. **B.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng.

**C.** Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng. **D.** Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

**Câu 16:** Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

**A.** quy mô lớn, tốc độ gia tăng dân số giảm. **B.** tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.

**C.** dân số đông, người già trong dân số nhiều. **D.** tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

**Câu 17:** Trở ngại về dân cư đối với phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều nước Đông Nam Á là

**A.** dân số đông, gia tăng còn nhanh. **B.** dân số đông, gia tăng rất chậm.

**C.** dân số không đông, gia tăng nhanh. **D.** dân số không đông, gia tăng chậm.

**Câu 18:** Khu vực nào sau đây ở Đông Nam Á có mật độ dân số thấp nhất?

**A.** Đồng bằng châu thổ. **B.** Các vùng ven biển.

**C.** Vùng đất đỏ badan. **D.** Các vùng núi cao.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Đông Nam Á?

**A.** Dân đông, mật độ dân số cao. **B.** Có nguồn lao động dồi dào.

**C.** Phân bố dân cư không đều. **D.** Các nước đều có dân số già.

**Câu 20:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với xã hội của Đông Nam Á?

**A.** Các quốc gia đều có nhiều dân tộc. **B.** Một số dân tộc ít người phân bố rộng.

**C.** Có nhiều tôn giáo cùng hoạt động. **D.** Có lịch sử khai thác lãnh thổ muộn.

**Câu 21:** Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất

**A.** ôn đới. **B.** cận nhiệt đới. **C.** nhiệt đới. **D.** xích đạo.

**Câu 22:** Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

**A.** trồng trọt. **B.** chăn nuôi. **C.** dịch vụ. **D.** thủy sản.

**Câu 23:** Lúa nước được trồng nhiều ở đâu của khu vực Đông Nam Á?

**A.** Các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp. **B.** Các sườn đồi có độ dốc nhỏ ở đồi núi.

**C.** Các cao nguyên đất đỏ badan màu mỡ. **D.** Các đồng bằng thấp giữa các miền núi.

**Câu 24:** Các nước ở Đông Nam Á xuất khẩu gạo nhiều nhất là

**A.** Việt Nam, In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

**C.** Thái Lan, Việt Nam. **D.** Việt Nam, Cam-pu-chia.

**Câu 25:** Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều cao su là

**A.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.

**B.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Việt Nam.

**C.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin.

**D.** Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia.

**Câu 26:** Quốc gia nào sau đây đứng đầu Đông Nam Á về diện tích trồng hồ tiêu?

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Thái Lan. **D.** Việt Nam.

**Câu 27:** Các nước ở Đông Nam Á trồng nhiều cà phê là

**A.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Lào.

**B.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.

**C.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan.

**D.** Việt Nam, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.

**Câu 28:** Những vùng đồng bằng trồng lúa nước ở Đông Nam Á **không** phải là nơi nuôi nhiều

**A.** lợn. **B.** trâu. **C.** bò. **D.** dê.

**Câu 29:** Đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở Đông Nam Á là

**A.** In-đô-nê-xi-a. **B.** Thái Lan. **C.** Phi-lip-pin. **D.** Việt Nam.

**Câu 30:** Hoạt động khai thác dầu khí phát triển mạnh ở các nước nào sau đây ở Đông Nam Á?

**A.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Mi-an-ma.

**B.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào.

**C.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Thái Lan.

**D.** Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Phi-lip-pin, Lào.

**Câu 31:** Công nghiệp của các nước Đông Nam Á trong những thập niên gần đây phát triển tương đối nhanh là do tác động của

**A.** quá trình công nghiệp hóa. **B.** quá trình đô thị hóa.

**C.** bối cảnh toàn cầu hóa. **D.** xu hướng khu vực hóa.

**Câu 32:** Khu vực Đông Nam Á tiếp giáp hai đại dương là

**A.** Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. **B.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. **D.** Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 33:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á?

**A.** Khí hậu nóng ẩm. **B.** Khoáng sản nhiều loại.

**C.** Đất trồng đa dạng. **D.** Rừng ôn đới phổ biến.

**Câu 34:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh. **B.** Có rất nhiều núi lửa và đảo.

**C.** Nhiều nơi núi lan ra sát biển. **D.** Nhiều đồng bằng châu thổ.

**Câu 35:** Đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á?

**A.** Gia-va. **B.** Lu-xôn. **C.** Xu-ma-tra. **D.** Ca-li-man-tan.

**Câu 36:** Các quốc gia nào sau đây **không** thuộc Đông Nam Á biển đảo?

**A.** In-đô-nê-xi-a, Đông-Ti-mo. **B.** Bru-nây, Phi-lip-pin.

**C.** Xing-ga-po, Ma-lai-xi-a. **D.** Cam-pu-chia, Việt Nam.

**Câu 37:** Quốc gia có sản lượng lúa gạo lớn nhất Đông Nam Á là

**A.** Phi-lip-pin. **B.** In-đô-nê-xi-a. **C.** Thái Lan. **D.** Việt Nam.

**Câu 38:** Đông Nam Á biển đảo chủ yếu nằm trong các đới khí hậu nào sau đây?

**A.** Nhiệt đới và cận xích đạo. **B.** Cận xích đạo và xích đạo.

**C.** Cận xích đạo và ôn đới. **D.** Cận nhiệt và cận xích đạo.

**Câu 39:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tự nhiên khu vực Đông Nam Á?

**A.** Sinh vật biển đa dạng. **B.** Khí hậu ôn hoà.

**C.** Thực vật phong phú. **D.** Khoáng sản giàu có.

**II. TỰ LUẬN : 60%**

1. Lí thuyết ( 3đ) bài 10,12.

2. Thực hành: ( 3 đ).Vẽ và nhận xét một trong các dạng biểu đồ: cột, tròn, đường.